

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Hiếu**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Long**
Ông **Nguyễn Tất Ái**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng**

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 728/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 159, tổ 9, ấp T, xã T, TP.M, Tiền Giang

* Bị đơn: Đỗ Duy K, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159, tổ 9, ấp T, xã T, TP.M, Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: bà và ông Đỗ Duy K kết hôn vào năm 1982, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M. Trong quá trình chung sống bà và ông K sống hạnh phúc và có 04 con chung tên Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 26/01/1982; Đỗ Duy K1, sinh ngày 10/8/1985; Đỗ Duy K2, sinh ngày 20/11/1987 và Đỗ Thị Ngọc P, sinh ngày 20/11/1989. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, bà và ông K đã ly thân từ tháng 05/2017 đến nay.

Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: do các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đỗ Duy K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung: bà D yêu cầu được ly hôn với ông K.

Xét thấy, bà D và ông K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1982, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M vào ngày 17/11/2015. Bà D và ông K có 04 con chung tên Đỗ Thị Ngọc D, sinh ngày 26/01/1982; Đỗ Duy K1, sinh ngày 10/8/1985; Đỗ Duy K2, sinh ngày 20/11/1987 và Đỗ Thị Ngọc P, sinh ngày 20/11/1989, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành.

Theo bà D trình bày vào năm 2013 thì bà và ông K xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Vào năm 2015 bà có nộp đơn xin ly hôn với ông K nhưng sau đó bà đã rút đơn, để cho ông K sửa đổi tính tình. Nhưng từ năm 2015 đến nay ông K vẫn không sửa đổi tính tình.

Xét thấy, giữa bà D và ông K đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nay bà D xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: do các con của bà đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: bà D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Đỗ Duy K.

2/ Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu.

3/ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu.

4/ Về nợ chung: không có, không yêu cầu.

5/ Về án phí: bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011769 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP.Mỹ Tho;
- **UBND xã T (kết hôn năm 2015);**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Hiếu